

Bản án số: 01/2021/KDTM-ST

Ngày: 25 - 6 - 2021

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ, TỈNH HÀ NAM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Chí Trung.
2. Bà Nguyễn Thị Chương.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Chính - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số: 02/2021/KDTM-ST ngày 02/02/2021 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXX-ST ngày 29 tháng 4 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa phiên tòa số: 02/QĐST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP AC (A)

Địa chỉ trụ sở chính: 442 N, phường 5, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh T - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo uỷ quyền: Bà Phạm Thị Th - Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ 3 (Theo văn bản uỷ quyền số 824/UQ-QLN.20 ngày 12/8/2020 của người đại diện theo pháp luật).

Người đại diện theo uỷ quyền lại: Bà Phạm Thị Tú A - Chức vụ: Nhân viên xử lý nợ.

Địa chỉ: Số 22D B, phường M, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

(Theo văn bản uỷ quyền số 34/UQ-PQLN.20 ngày 21/12/2020)

2. Bị đơn: - Ông Dương Văn Đ, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Tổ 4, phường H, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

- Bà Trần Thị H, sinh năm 1969

Địa chỉ: Tổ 4, phường H, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Nam.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Dương Quang V, sinh năm 1990; nơi ĐKKHKT: Tổ 4, phường H, thành phố P, tỉnh Hà Nam; nơi cư trú: Số 84 đường Tr, khu 1, phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh.

- Chị Dương Thu T, sinh năm 1994; nơi ĐKKHKT: Tổ 4, phường H, thành phố P, tỉnh Hà Nam; nơi cư trú: Số 75/281, phường Tr, quận H, thành phố Hà Nội.

(Tại phiên tòa có mặt bà Tú A; vắng mặt ông Đ, bà H, anh V, chị T).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn Ngân hàng A trình bày: Ngân hàng A cấp tín dụng cho ông Dương Văn Đ và bà Trần Thị H căn cứ theo:

Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số HNM.CN.2651.031219 ngày 04/12/2019; Hợp đồng cấp tín dụng số HNM.CN.1105.030320 ngày 03/3/2020 và Khế ước nhận nợ số 304184719 ngày 03/3/2020, chi tiết cụ thể như sau: A cho ông Đ, bà H vay số tiền là 2.500.000.000đ; lãi suất cho vay trong hạn: 0,9%/năm; lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn; lãi suất phạt chậm trả lãi 10%/năm; thời hạn cho vay là 07 tháng kể từ ngày 04/3/2020 đến ngày 03/10/2020; mục đích cho vay là bổ sung vốn lưu động - Bổ sung vốn lưu động kinh doanh nhôm kính, cơ khí; phương thức giải ngân là chuyển khoản số tiền giải ngân vào tài khoản thanh toán số 8858697 của bà Trần Thị H tại A vào ngày 03/3/2020.

Để bảo đảm cho khoản vay trên, ông Dương Văn Đ và bà Trần Thị H đã thế chấp các tài sản sau:

1. 01 Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của Dương Văn Đ, bà Trần Thị H tại tổ 4, phường Q, thành phố P, tỉnh Hà Nam, thửa đất số 212, tờ bản đồ PL23 diện tích 74,3m², có giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CM 957822 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Hà Nam cấp ngày 13/02/2018 mang tên ông Đinh Tiến S, cập nhật chuyển nhượng cho ông Dương Văn Đ ngày 02/12/2019 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố P.

2. 01 Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của Dương Văn Đ, bà Trần Thị H tại tổ 4, phường Q, thành phố P, tỉnh Hà Nam, thửa đất số 211, tờ bản đồ PL23 diện tích 74,3m², có giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CM 957821 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Hà Nam cấp ngày 13/02/2018 mang tên ông Đinh Tiến S, cập nhật chuyển nhượng cho ông Dương Văn Đ ngày 02/12/2019 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố P.

Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HNM.BĐCN.334.031219 ngày 04/12/2019 bảo đảm. Hợp đồng thế chấp được công chứng tại Phòng công chứng số 4 tỉnh Hà Nam và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố P, tỉnh Hà Nam.

Quá trình thực hiện Hợp đồng thì ông Đ, bà H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán về trả nợ vay được quy định trong Hợp đồng. Đến ngày 03/10/2020 là ngày hết hạn trả nợ khoản vay trên, nhưng ông Đ, bà H không trả hết nợ vay cho Ngân hàng A. Kể từ ngày giải ngân cho đến ngày 04/12/2020 thì ông Đ, bà H đã

thanh toán trả cho Ngân hàng A số tiền là 1.842.067.771 đồng; trong đó: Gốc: 1.755.770.000 đồng, lãi: 86.263.561 đồng, phạt: 34.210 đồng. Số tiền còn nợ tính đến ngày 04/12/2020 là 766.018.194 đồng; Trong đó: Nợ gốc: 744.230.000 đồng; Lãi trong hạn: 1.749.041 đồng; Lãi quá hạn: 19.992.360 đồng; Phạt chậm trả lãi: 46.793 đồng.

Ngân hàng A đã đôn đốc nhiều lần nhưng ông Đ, bà H không trả số tiền còn nợ. Nay Ngân hàng A khởi kiện ông Đ, bà H và đề nghị Tòa án nhân dân thành phố P giải quyết, cụ thể như sau:

1. Buộc ông Dương Văn Đ và bà Trần Thị H phải thanh toán trả nợ cho Ngân hàng A toàn bộ số tiền tạm tính đến ngày 25/6/2021 là 830.669.004 đồng, trong đó nợ gốc là 744.230.000 đồng, lãi trong hạn là 1.749.041 đồng, lãi quá hạn là 84.562.978 đồng, phạt chậm trả là 29.710, theo Hợp đồng tín dụng số HNM.CN.1105.030320 ngày 03/3/2020 và Khế ước nhận nợ số 304184719 ngày 03/3/2020.

2. Yêu cầu Tòa án tiếp tục tính lãi, phạt chậm trả lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi ông Đ, bà H thanh toán hết số nợ cho A.

3. Thứ tự trả nợ: Vốn gốc, phạt chậm trả lãi, lãi quá hạn, lãi trong hạn.

4. Về xử lý tài sản bảo đảm: Trường hợp ông Đ, bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì đề nghị Tòa án tuyên Ngân hàng A có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng A là các Quyền sử dụng đất đã thế chấp nêu trên.

* Bị đơn bà Trần Thị H hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Hà Nam, Tòa án đã vào Trại tạm giam để làm việc với bà H. Tại bản tự khai, bản tự khai bổ sung và tại biên bản lấy lời khai bà H trình bày:

Vợ chồng bà có vay của Ngân hàng A số tiền 2.500.000.000đ theo Hợp đồng cấp tín 74,3m² tại tổ 4, phường Q, thành phố P, tỉnh Hà Nam. Tính đến ngày 04/12/2020, ông bà đã trả cho Ngân hàng số tiền 1.842.067.771 đồng, còn nợ tính đến ngày 04/12/2020 số tiền 766.018.194 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 744.230.000 đồng; Lãi trong hạn: 1.749.041 đồng; Lãi quá hạn: 19.992.360 đồng; Phạt chậm trả lãi: 46.793 đồng.

Nay bà H nhất trí trả toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi và tiền phạt cho Ngân hàng A. Đối với tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất của 02 thửa đất số 212 và 211 bà đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn bà Phạm Thị Tú A xuất trình 01 bảng tính lãi theo tài khoản, theo đó số tiền mà ông Đ, bà H còn nợ Ngân hàng tính đến ngày xét xử sơ thẩm (25/6/2021) là 830.669.004đ (tám trăm ba mươi triệu sáu trăm sáu mươi chín nghìn không trăm linh bốn đồng), trong đó: Nợ gốc 744.230.000đ; lãi trong hạn 1.749.041đ; lãi quá hạn 84.562.978đ; phạt chậm trả lãi 126.985đ. Bà giữ nguyên quan điểm như đã trình bày, không thay đổi, bổ sung gì. Tuy nhiên, do sai sót trong việc tính tiền phạt chậm trả lãi, nên tại đơn khởi kiện ghi phần phạt chậm trả lãi số tiền là 46.793 đồng, nay bà sửa thành số tiền là 29.710 đồng.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử (HĐXX) nghị nghị án đều tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Đối với nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến nay đều thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật. Đối với bị đơn là bà Trần Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Dương Quang V và chị Dương Thu T đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình giải quyết vụ án; ông Dương Văn Đ không chấp hành và thực hiện các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, trong quá trình giải quyết vụ án đều vắng mặt không có lý do, Tòa án đã triệu tập hợp lệ và tiến hành thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt nên HĐXX đã hoãn phiên tòa ngày 28/5/2021, ông Đ vẫn vắng mặt nên HĐXX vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ là đúng quy định.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX:

+Áp dụng các Điều 26, Điều 35, 39, 68, 144, 147, 184 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

+Áp dụng Điều 275, 292, 293, 295, 298, 299, 317, 318, 319, 320, 322, 323, 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

+ Áp dụng Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng;

+ Áp dụng Luật phí và lệ phí năm 2015;

+Áp dụng Nghị quyết 326 ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/ PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

-Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A.

-Buộc ông Dương Văn Đ và bà Trần Thị H phải trả cho Ngân hàng A tổng số tiền tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 25/6/2021) là: 830.669.004đ (tám trăm ba mươi triệu sáu trăm sáu mươi chín nghìn không trăm linh bốn đồng), trong đó: Nợ gốc 744.230.000đ; lãi trong hạn 1.749.041đ; lãi quá hạn 84.562.978đ; phạt chậm trả lãi 126.985đ. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận.

- Trường hợp ông Dương Văn Đ và bà Trần Thị H không thực hiện việc trả nợ thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp để thực hiện nghĩa vụ trả nợ là: Quyền sử dụng đất thửa đất số 212 và 211 tờ bản đồ số PL23, tại tổ 4 phường Q, thành phố P, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 957822 và CM 957821 mang tên ông Đinh Tiến S, được cập nhật chuyển nhượng cho ông Dương Văn Đ ngày 02/12/2019 tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố P.

Nếu sau khi xử lý tài sản thế chấp, số tiền thu được dùng để trả nợ cho Ngân hàng A còn thừa thì được trả lại cho ông Đ, bà H. Trường hợp số tiền xử lý tài sản thế chấp vẫn không đủ để trả nợ cho Ngân hàng A thì ông Đ, bà H phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ phần còn thiếu cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

- Về chi phí xem xét, thẩm định: Bị đơn ông Đ, bà H phải chịu theo quy định của pháp luật.
- Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Ông Đ, bà H phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Theo Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng A - Chi nhánh Hà Nam với ông Dương Văn Đ và bà Trần Thị H với mục đích vay là để bổ sung vốn kinh doanh nhôm kính, cơ khí. Ông Đ, bà H có đăng ký kinh doanh và có mục đích lợi nhuận; bị đơn và tài sản thế chấp là các quyền sử dụng đất đều ở thành phố Phủ Lý nên đây là vụ án tranh chấp về kinh doanh thương mại, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự:

Tại phiên tòa, bị đơn bà H, ông Đ; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh V, chị T vắng mặt nhưng bà H, anh V, chị T đã có đơn xin được xét xử vắng mặt.

Đối với bị đơn là ông Dương Văn Đ: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập đối với ông Dương Văn Đ nhưng ông Đ không đến Tòa án làm việc, Tòa án đã tiến hành xác minh tại tổ 4, phường H, thành phố P thì đại diện Công an phường H cho biết ông Đ đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 4, phường H nhưng không có mặt tại địa phương, ông Đ đi đâu không trình báo nên địa phương không nắm được hiện tại ông Đ làm gì và ở đâu. Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi có tài sản thế chấp của bị đơn. Do đó, căn cứ vào quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 05 năm 2017 hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn ông Dương Văn Đ thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ nên tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Dương Quang V và chị Dương Thu T: Tại đơn đề nghị đề ngày 21/6/2021 anh V và chị T có quan điểm: Anh, chị là con đẻ của ông Dương Văn Đ và bà Trần Thị H. Anh chị không liên quan gì đến việc vay nợ và thế chấp tài sản giữa ông Đ, bà H với Ngân hàng A, anh chị không đề nghị Tòa án giải quyết vấn đề gì liên quan đến anh chị nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về nội dung:

[4.1] Về Hợp đồng tín dụng:

Theo Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số HNM.CN.2651.031219 ngày 04/12/2019; Hợp đồng cấp tín dụng số HNM.CN.1105.030320 ngày 03/3/2020 và Khế ước nhận nợ số 304184719 ngày 03/3/2020 giữa Ngân hàng A - Chi nhánh Hà Nam với ông Dương Văn Đ và bà Trần Thị H thể hiện ông Đ, bà H được Ngân hàng A - Chi nhánh Hà Nam cho vay số tiền 2.500.000.000đ (hai tỷ năm trăm triệu đồng) với mục đích Sản xuất kinh doanh - Bổ sung vốn lưu động - Bổ sung vốn lưu động kinh doanh nhôm kính, cơ khí; Thời hạn cho vay KUNN: 07 tháng kể từ ngày 04/3/2020 đến ngày 03/10/2020; Lãi suất cho vay trong hạn được quy định: Lãi suất 0,9%/năm; lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn; lãi suất phạt chậm trả lãi 10%/năm; Phương thức giải ngân: Chuyển khoản số tiền giải ngân vào tài khoản thanh toán số 8858697 của bà Trần Thị H tại Ngân hàng A, ngày giải ngân: 03/3/2020, ông Đ và bà H đã nhận đủ số tiền giải ngân là 2.500.000.000đ.

Quá trình thực hiện Hợp đồng ông Đ, bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Kể từ ngày giải ngân cho đến ngày 04/12/2020, ông Đ, bà H đã thanh toán trả được cho Ngân hàng số tiền là 1.842.067.771 đồng; trong đó: Tiền gốc: 1.755.770.000 đồng, lãi: 86.263.561 đồng, phạt: 34.210 đồng. Số tiền còn nợ tính đến ngày 04/12/2020 là 766.018.194 đồng; Trong đó: Nợ gốc: 744.230.000 đồng; Lãi trong hạn: 1.749.041 đồng; Lãi quá hạn: 19.992.360 đồng; Phạt chậm trả lãi: 46.793 đồng. Đến ngày 03/10/2020 hết hạn trả toàn bộ khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số HNM.CN.1105.030320 và Khế ước nhận nợ số 304184719 ngày 03/3/2020 nhưng ông Đức, bà Hiền không thanh toán trả số tiền còn nợ cho Ngân hàng A.

Tính đến ngày 25/6/2021 ông Đức, bà Hiền còn nợ Ngân hàng A số tiền là 830.669.004đ (tám trăm ba mươi triệu sáu trăm sáu mươi chín nghìn không trăm linh bốn đồng), trong đó: Nợ gốc 744.230.000đ; lãi trong hạn 1.749.041đ; lãi quá hạn 84.562.978đ; phạt chậm trả lãi, phạt trễ kỳ 126.985đ.

Như vậy ông Đ, bà H đã vi phạm Điều 3 của Hợp đồng cấp tín dụng ký giữa hai bên về thời hạn và phương thức trả nợ. Việc Ngân hàng A yêu cầu ông Đ, bà H thanh toán toàn bộ số nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (25/6/2021) là 830.669.004đ (đã xem xét bảng kê chi tiết tính lãi kèm theo) là có căn cứ, phù hợp với Hợp đồng cấp tín dụng số HNM.CN.1105.030320 ngày 03/3/2020 và Khế ước nhận nợ ký ngày 03/3/2020, phù hợp với quy định tại Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng nên cần chấp nhận.

[4.2] Về Hợp đồng thế chấp:

Để bảo đảm cho khoản vay trên, ông Dương Văn Đ và bà Trần Thị H đã thế chấp các tài sản theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HNM.BĐCN.334.031219 ngày 04/12/2019 gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 212, tờ bản đồ PL23 diện tích 74,3m² và Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, thửa đất số 211, tờ bản đồ PL23 diện tích 74,3m², địa chỉ 02 thửa đất tại tổ 4, phường Q, thành phố P, tỉnh Hà Nam có giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất mang tên Đinh Tiến S, cập nhật chuyển

nhượng cho ông Dương Văn Đ ngày 02/12/2019 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất thành phố P.

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HNM.BĐCN.334.031219 ngày 04/12/2019 được công chứng tại Phòng công chứng số 4 tỉnh Hà Nam và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố P, tỉnh Hà Nam và Hợp đồng sửa đổi bổ sung số HNM.CN.1105.030320/SĐBS-01 ngày 04/5/2020; Hợp đồng sửa đổi bổ sung số HNM.CN.1105.030320/SĐBS-02 ngày 11/5/2020.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Các bên ký Hợp đồng thế chấp và Hợp đồng sửa đổi bổ sung, là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa đất số 212, tờ bản đồ PL23 diện tích 74,3m² và Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, thửa đất số 211, tờ bản đồ PL23 diện tích 74,3m², địa chỉ 02 thửa đất tại tổ 4, phường Q, thành phố P, tỉnh Hà Nam trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, không bị lừa dối; nội dung và hình thức Hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật và đã được đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo đúng quy định của pháp luật nên phát sinh hiệu lực pháp luật.

Do đó, Ngân hàng A yêu cầu xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp ông Đ, bà H không thanh toán trả nợ cho Ngân hàng A thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là hoàn toàn phù hợp với Điều 299 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 56 của Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm nên được chấp nhận.

[4] Về yêu cầu bị đơn tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn phát sinh trên nợ gốc từ sau ngày xét xử cho đến khi bị đơn thanh toán xong khoản nợ: Theo Án lệ số: 08/2016/AL/HĐTP TANDTC về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, được lựa chọn từ Quyết định giám đốc thẩm số: 12/2013/KDTM-GĐT ngày 16/5/2013 và được công bố theo Quyết định số: 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao thì: *“Đối với các khoản tiền vay của tổ chức Ngân hàng, tín dụng, ngoài khoản tiền nợ gốc, lãi vay trong hạn, lãi vay quá hạn, phí mà khách hàng vay phải thanh toán cho bên cho vay theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay”*. Hội đồng xét xử xét thấy tính chất, các tình tiết, sự kiện pháp lý trong vụ án này tương tự như các tình tiết, sự kiện pháp lý trong án lệ. Vì vậy cần áp dụng Án lệ số 08/2016/AL để xác định nghĩa vụ chậm thi hành án.

[5] Về thứ tự trả nợ: Ngân hàng A yêu cầu ông Đ, bà H trả nợ theo thứ tự: Vốn gốc, phạt chậm trả lãi, lãi quá hạn, lãi trong hạn. Hội đồng xét xử thấy thứ

tự trả nợ mà Ngân hàng yêu cầu phù hợp với quy định trong Hợp đồng tín dụng và phù hợp với pháp luật nên cần chấp nhận.

[6] Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu của Ngân hàng A đối với ông Dương Văn Đ và bà Trần Thị H được chấp nhận nên ông Đ, bà H phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ theo quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngân hàng đã nộp tạm ứng trước số tiền 3.000.000đ và đã chi phí hết nên ông Đ, bà H có nghĩa vụ hoàn trả Ngân hàng số tiền 3.000.000 đồng, quy định tại Khoản 1 Điều 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Nguyên đơn không phải chịu án phí và được trả lại số tiền đã nộp tạm ứng án phí; bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại khoản 2 điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[9] Về quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý là có căn cứ pháp lý và cơ sở thực tiễn như đã nhận định ở trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đã nêu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 146, 147, 157, 158, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 116, 117, 275, 280, 292, 293, 295, 298, 299, 317, 318, 319, 320, 322, 323, 357, 385, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, được lựa chọn từ Quyết định giám đốc thẩm số 12/2013/KDTM-GĐT ngày 16/5/2013 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ Điều 56, khoản 1 điều 58 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006; Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/2/2012 của Chính phủ; Điều 61 Nghị định 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 về giao dịch bảo đảm;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A đối với ông Dương Văn Đ và bà Trần Thị H, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Buộc ông Dương Văn Đ và bà Trần Thị H phải trả cho Ngân hàng A tổng số tiền tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 25/6/2021) là: 830.669.004đ (tám trăm ba mươi triệu sáu trăm sáu chín nghìn không trăm linh bốn đồng), trong đó tiền nợ gốc là: 744.230.000đ, tiền lãi trong hạn là: 1.749.041đ, tiền lãi quá hạn là: 84.562.978đ, phạt chậm trả lãi: 126.985đ.

2. Thứ tự trả nợ: Vốn gốc, phạt chậm trả lãi, lãi quá hạn, lãi trong hạn.

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Đ, bà H phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản tiền dư nợ gốc chưa thanh toán và tiền lãi chậm trả đối với số tiền dư nợ lãi chậm trả cho đến khi thanh toán xong, theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng cấp tín dụng số HNM.CN.1105.030320 và Khế ước nhận nợ số 304184719 cùng ngày 03/3/2020.

4. Về xử lý tài sản bảo đảm: Trường hợp ông Dương Văn Đ và bà Trần Thị H không thực hiện việc trả nợ thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp để thực hiện nghĩa vụ trả nợ là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 212, tờ bản đồ PL23 diện tích 74,3m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 957822 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Hà Nam cấp ngày 13/02/2018 và Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, thửa đất số 211, tờ bản đồ PL23 diện tích 74,3m², giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CM 957821 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Hà Nam cấp ngày 13/02/2018, cả 2 thửa đất đều ở địa chỉ tại tổ 4, phường Q, thành phố P, tỉnh Hà Nam mang tên ông Đinh Tiến S, được cấp nhật chuyển nhượng cho ông Dương Văn Đ ngày 02/12/2019 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố P.

Nếu sau khi xử lý tài sản thế chấp, số tiền thu được dùng để trả nợ cho Ngân hàng A còn thừa thì được trả lại cho ông Đ, bà H. Trong trường hợp số tiền xử lý tài sản thế chấp vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng A, thì ông Đ, bà H phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ phần còn thiếu cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

5. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Buộc ông Dương Văn Đ và bà Trần Thị H có trách nhiệm hoàn trả lại số tiền tạm ứng chi phí thẩm định tại chỗ cho Ngân hàng A là 3.000.000đ (ba triệu đồng).

6. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Buộc ông Dương Văn Đ và bà Trần Thị H phải nộp là: 36.920.000đ (ba mươi sáu triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho Ngân hàng A số tiền 17.300.000đ (mười bảy triệu ba trăm nghìn đồng) mà bà Phạm Thị Tú A đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2015/0004722 ngày 02 tháng 02 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- Chi cục THADS thành phố Phủ Lý;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Ngân